

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-PT

Ngày : 27/5/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp chia tài
sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Kiều Lương.

Bà Đỗ Thị Nhung

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2021/TLPT-HNGĐ ngày 24/3/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn”

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 157/2020//HNGĐ-ST ngày 17/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo, kháng nghị

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Kiều Thị H**, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Số 1095 (số mới 270), Tổ 21, Khu 5, Khu phố 2, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H: ông Thái Xuân T – Luật sư Văn phòng luật sư Thái T, Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn C**, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Số 1095 (số mới 270), Tổ 21, Khu 5, Khu phố 2, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai;

Người kháng cáo: Bị đơn ông **Trần Văn C**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Kiều Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Trần Văn C tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1981, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2015 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, dẫn đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm không còn nên bà H xin ly hôn ông C.

- Về con chung: bà và ông C có 03 con chung là Trần Quốc K, sinh năm 1984, Trần Thị Kiều K, sinh năm 1985 và Trần Anh K, sinh năm 1988. Do các con của ông bà đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: trong thời kỳ hôn nhân bà và ông C tạo lập được phần đất và căn nhà tại địa chỉ: 1095, tổ 21, khu 5, ấp 2, xã H, TP. H, tỉnh Đồng Nai, thuộc thửa đất số: 34, tờ bản đồ số: 01A(357-B), diện tích đất: 97m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: O 909549, do UBND huyện Long Thành cấp ngày 28/9/1999, cấp cho ông Trần Văn C; trên đất đã xây dựng căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng: 72m².

Theo chứng thư thẩm định giá số 53/TĐG- CT ngày 15 tháng 5 năm 2019, giá trị tài sản thẩm định là 2.210.504.000đồng (hai tỷ, hai trăm mười triệu, năm trăm lẻ bốn ngàn đồng). Bà đã đồng ý cho ông C nhận nhà, đất và có trách nhiệm thanh toán ½ giá trị tài sản bằng tiền mặt cho bà nhưng sau đó ông C không thực hiện. Hiện nay bà không còn tài sản nào khác nên bà đề nghị được nhận nhà, đất và sẽ thanh toán ½ giá trị tài sản cho ông C bằng tiền mặt một lần.

- Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn C trình bày: ông và bà Kiều Thị H kết hôn từ năm 1981, quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc, thời gian sau không hạnh phúc nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Nay ông đồng ý ly hôn bà H.

- Về con chung: ông và bà H có 03 con chung là Trần Quốc K, sinh năm 1984; Trần Thị Kiều K, sinh năm 1985 và Trần Anh K, sinh năm 1988. Ông C xác định các con đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: ông và bà H tạo lập được diện tích đất 97m² thuộc thửa đất số: 34, tờ bản đồ số: 01A(357-B), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 909549 do UBND huyện T cấp ngày 28/9/1999, cấp cho ông C đứng tên; trên đất đã xây dựng căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 72m².

Theo chứng thư thẩm định giá số 53/TĐG- CT ngày 15 tháng 5 năm 2019, giá trị tài sản thẩm định là 2.210.504.000đồng (hai tỷ, hai trăm mười triệu, năm trăm lẻ bốn ngàn đồng), ông tiếp tục đồng ý giá trên. Ông đề nghị được nhận nhà, đất và thanh toán lại ½ giá trị cho bà H, thời hạn thanh toán là 05 tháng kể từ ngày xét xử. Ông C xác định vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 157/2020/HNGĐ-ST ngày 17/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa quyết định :

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, Khoản 4 Điều 147, 157, 165, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 56, 59, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 07 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

Áp dụng Luật Người cao tuổi; điểm đ, Khoản 1 Điều 12, Điều 14, 15 và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của nguyên đơn bà Kiều Thị H và bị đơn ông Trần Văn C.

2. Về con chung: Các con chung của bà H và ông C đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiều Thị H đối với bị đơn ông Trần Văn C về việc “Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn”.

- Công nhận cho bà Kiều Thị H được quyền sử dụng thửa đất số 34, tờ bản đồ số: 01A(357-B, diện tích đất 97m², mục đích sử dụng: đất ở đô thị (số thửa mới là 30, tờ bản đồ 01); diện tích theo bản đồ địa chính là 119.2m², diện tích thực tế sử dụng là 120.5m² thuộc phường H, thành phố Biên Hòa.

- Công nhận cho bà Kiều Thị H quyền sở hữu nhà có diện tích xây dựng trệt 112.2m², gác 19.4m², diện tích tổng 131.6m²; kết cấu nhà: mái tole, trần tole lạnh, cột gạch, tường gạch, nền gạch men, cửa sắt+ kính; tọa lạc trên thửa mới là 30, tờ bản đồ 01 phường H, thành phố Biên Hòa.

Diện tích đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 909549 do UBND huyện T cấp ngày 28/9/1999 cho ông Trần Văn C đứng tên. Toàn bộ diện tích đất nằm trong quy hoạch, trong đó diện tích 45.1m² quy hoạch đất phát triển hạ tầng (công viên cây xanh gia thông), 56.9m² quy hoạch đất giao thông, 18.5m² quy hoạch đất mặt nước chuyên dùng.

Bà Kiều Thị H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Trường hợp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở bị thu hồi, bà H được quyền hưởng các quyền lợi của người có tài sản bị thu hồi theo quy định của pháp luật.

(diện tích đất và nhà được căn cứ theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 1517/2020 ngày 07/02/2020, bản vẽ hiện trạng nhà ngày 07/02/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh Biên Hòa kèm theo bản án).

- Buộc bà Kiều Thị H phải thanh toán cho ông Trần Văn C $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 1.105.252.000 đồng (một tỷ, một trăm lẻ năm triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lệ phí, nghĩa vụ các đương sự phải chịu, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

- Ngày 30/7/2020 ông Trần Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 57/2020/HNGĐ-ST ngày 17/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án theo hướng giao nhà đất cho ông, ông thanh toán tiền lại cho bà H.

- Ngày 14/8/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân tỉnh Đồng Nai kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật, cách tuyên và chi phí tố tụng.

Quan điểm của Luật sư T: Trước đây, bà H đã đồng ý cho ông C nhận nhà, đất và có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản bằng tiền mặt cho bà nhưng sau đó ông C không thực hiện. Nay ông C lại kháng cáo xin được nhận nhà đất, đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Ngày 14/8/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân tỉnh Đồng Nai kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật, cách tuyên và chi phí tố tụng. Tại phiên tòa ngày hôm nay, sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai xin thay đổi một phần kháng nghị như sau:

Về áp dụng pháp luật và cách tuyên:

- Đối với quan hệ hôn nhân: Bà Kiều Thị H và ông Trần Văn C chung sống với nhau từ năm 1981, thời điểm Luật HNGĐ năm 1959 đang có hiệu lực thi hành, mặc dù ông bà không đăng ký kết hôn, nhưng đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận. Nay bà H xin ly hôn căn cứ Luật HNGĐ năm 1959, Luật HNGĐ năm 2014 để giải quyết. Cấp sơ thẩm áp dụng Luật HNGĐ năm 2000 là không chính xác.

- Bà H làm đơn xin ly hôn với ông C vì mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, quá trình giải quyết, ông C cũng đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, do bà H vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt), Tòa án lại ghi nhận sự thuận tình ly hôn trong khi một bên vắng mặt tại phiên tòa là không chính xác, mà phải tuyên chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H được ly hôn với ông C mới phù hợp pháp luật.

- Đối với tài sản chung: Bà H và ông C đều thừa nhận tài sản chung gồm diện tích đất 97m² thuộc thửa 34 tờ bản đồ số 01A(357-B) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 909549 do UBND huyện T cấp ngày 28/9/1999 cấp cho ông C đứng tên và 01 căn nhà cấp 4 trên đất có diện tích 72m² và yêu cầu chia diện tích đất này. Mặc dù, theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 1517/2020 ngày 07/02/2020 của Văn phòng đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh Biên Hòa thửa đất trên có số thửa mới là 30, tờ bản đồ 01, diện tích 119,2m² và diện tích thực tế sử dụng là 120,5m², toàn bộ diện tích đất nằm trong quy hoạch, trong đó diện tích 45,1m² quy hoạch đất phát triển hạ tầng (công viên cây xanh gia thông), 56,9m² quy hoạch đất giao thông, 18,5 m² quy hoạch đất mặt nước chuyên dùng). Cấp sơ thẩm chia diện tích 97m², và chia cho bà H nhận hiện vật là nhà và đất, nhưng lại công nhận cho bà H được quyền sử dụng cả phần diện tích không được cấp giấy chứng nhận 23,5m² (120,5m² -97m²) và được quyền hưởng các quyền lợi của người có tài sản bị thu hồi đối với diện tích không được cấp giấy 23,5m² là không chính xác. Đối với phần diện tích thực tế lớn hơn diện tích được cấp, bà H không có đơn khởi kiện bổ sung, nhưng vẫn được cấp sơ thẩm giải quyết. Mặt khác, bà Kiều Thị H có đơn (không ghi ngày tháng năm) về việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc chia tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ 1095, tổ 21, khu 5, ấp 2, xã H, tp. H, tỉnh Đồng Nai không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với việc bà H rút yêu cầu chia tài sản chung mà vẫn giải quyết chia tài sản này là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp bà H yêu cầu tiếp tục giải quyết thì phải hướng dẫn cho bà H làm đơn yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp

luật thì Tòa án mới thụ lý giải quyết. Do đó Viện kiểm sát xin thay đổi một phần kháng nghị đối với nội dung cách tuyên về chia tài sản chung.

Về chi phí tố tụng: do bà H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng nên Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị về nội dung này.

Do cấp sơ thẩm giải quyết áp dụng pháp luật không đúng, tuyên về quan hệ hôn nhân không chính xác. Giải quyết chia tài sản chung vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên cần phải hủy một phần bản án về chia tài sản chung, nên kháng cáo của ông C về việc chia cho ông được nhận nhà và đất ông sẽ thanh toán lại cho bà H $\frac{1}{2}$ giá trị là không có cơ sở giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân tỉnh Đồng Nai, đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn C làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà H và ông Trần Văn C tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1981, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn . Do mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết , tình cảm không còn nên bà H xin ly hôn ông C. Ông C cũng đồng ý ly hôn với bà H. Cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để áp dụng Luật hôn nhân gia đình tại thời điểm xác lập là Luật hôn nhân gia đình 1959 để giải quyết, Cấp sơ thẩm áp dụng Luật HNGĐ năm 2000 là không chính xác. Về cách tuyên do bà H vắng mặt tại phiên tòa nên cần phải tuyên chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H được ly hôn với ông C. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng pháp luật và cách tuyên như trên là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 34, tờ bản đồ số 1A có diện tích đất là **97m²**, trên đất có một căn nhà cấp 4 diện tích **72m²** tọa lạc tại địa chỉ: 1095, tổ 21, khu 5, ấp 2, xã H, TP. H, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, qua đo vẽ, xem xét tại chỗ thì diện tích đất thực tế sử dụng là **120.5m²** còn căn nhà có tổng diện tích xây dựng là **131.6m²**. Tại cấp phúc thẩm, bà H, ông C cho rằng thửa đất trên vợ chồng ông bà mua năm 1986, năm sau ông bà cất một căn nhà tạm bằng cây, đến năm 1996 thì xây nhà như hiện nay và năm 1999 thì được nhà nước cấp GCNQSD đất. Quá

trình sử dụng, vợ chồng ông bà không mua thêm của ai, cũng không lần chiếm mà sử dụng nguyên trạng như lúc nhận chuyển nhượng. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ phần diện tích nhà đất tăng thêm (nằm ở vị trí nào? Tăng thêm từ khi nào? Nguyên nhân tăng thêm phần diện tích này có phải là do cơ quan đo vẽ trước đây đo vẽ không chính xác hay không, ...) là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Sau khi có kết quả đo vẽ, bà H không có làm đơn khởi kiện bổ sung đối với phần diện tích nhà đất tăng thêm; các bên đương sự không tự thỏa thuận, Tòa án cũng không có thẩm định giá bổ sung đối với phần diện tích tăng thêm nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên công nhận cho bà H *quyền sử dụng thửa đất số 34, tờ bản đồ số: 01A diện tích đất 97m²; diện tích theo bản đồ địa chính là 119.2m², diện tích thực tế sử dụng là 120.5m² và quyền sở hữu nhà có diện tích xây dựng trệt 112.2m², gác 19.4m², diện tích tổng 131.6m²* là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, hồ sơ còn thể hiện bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản nhưng sau khi bà H không thỏa thuận được với ông C thì lại tiếp tục yêu cầu chia tài sản chung. Cấp sơ thẩm không yêu cầu bà H làm đơn yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết chia tài sản chung cũng không lập biên bản về việc này là thiếu sót.

Do cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự nên cần hủy một phần bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại đối với nội dung chia tài sản chung vợ chồng.

[2.3] Về con chung, nợ chung: các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Ông C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, thực chất ông C chỉ không đồng ý việc bản án sơ thẩm giao nhà đất cho bà H, việc ly hôn cũng như con chung ông không có ý kiến gì khác. Nội dung kháng cáo của ông Trần Văn C về việc đề nghị cấp phúc thẩm sửa án theo hướng giao nhà đất cho ông sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4] Về án phí: do hủy một phần án sơ thẩm về việc chia tài sản chung nên ông C không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả lại cho ông C số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản sẽ được quyết định khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[5] Về chi phí tố tụng: tại cấp phúc thẩm bà H xác định bà tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai đã rút một phần kháng nghị về nội dung này, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát về chi phí tố tụng. Chi phí tố tụng phát sinh khi giải quyết lại việc chia tài sản chung sẽ được quyết định khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà H không phù hợp nên không được chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 157/2020/HNGĐ-ST ngày 17/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa về áp dụng pháp luật và cách tuyên, hủy một phần bản án về việc chia tài sản chung.

Căn cứ Điều 4, Điều 5, Điều 6 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 56, 59, 62, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 07 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiều Thị H về việc xin ly hôn. Bà Kiều Thị H được ly hôn ông Trần Văn C.

2. Về tài sản chung: hủy án sơ thẩm về việc chia tài sản chung giữa bà Kiều Thị H và ông Trần Văn C. Giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí: ông C không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả lại cho ông C số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 7499 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa. Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa;;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Trang

